

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2021/DS-PT

Ngày: 09-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Trung

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 24 tháng 3 và ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án
thụ lý số: 508/2020/TLPT-DS ngày 28/10/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 717/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 của
Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6032/2020/QĐ-PT ngày 01/12/2020;
Quyết định hoãn phiên tòa số 26060/2020/QĐ-PT ngày 23/12/2020 và Quyết
định tạm dừng phiên tòa số 2952/2021 ngày 24/03/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 175 Lê Văn Việt, Khu phố 4, phường H, Quận C, Thành phố
Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 15 Trương Văn Hải, Khu phố 2, phường T, Quận C,
Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

Ông Trần Trung T, sinh năm 1960.

Bà Lê Phượng D, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: 40 Đường Số 2, Cư xá Đô Thành, Phường N, Quận B,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Lê Phụng D:
Ông Trần Thanh T, Luật sư của Công ty Luật TNHH Sao TD thuộc Đoàn Luật
sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 120/59 Đường số 59, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí
Minh.

(Tất cả các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2018, Bản tự khai, Biên bản hoà giải và
Biên bản không tiến hành hoà giải được, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình
bày:

Ngày 24/4/2017, ông có cho bị đơn là ông Trần Trung T và bà Lê Phụng
D vay số tiền 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng). Giữa ông và bị đơn có ký
Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) có nội dung: số tiền vay là
7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng); lãi vay là: 1%/tháng; thời hạn vay là
24/2/2017 đến 24/12/2022; nhưng quá 1 tháng không trả lãi thì thời hạn trên
không còn giá trị hiện thực nữa, bên vay phải hoàn vốn vô điều kiện cho bên
cho vay. Bị đơn ông T và bà D đã nhận đủ số tiền vay nêu trên.

Trong quá trình thực hiện việc trả lãi, bị đơn đã không trả cho ông bất cứ
khoản lãi nào phát sinh từ việc vay tiền nêu trên. Sau nhiều lần liên lạc để yêu
cầu thực hiện việc trả nợ nhưng không gặp được, vì vậy ông đã phải khởi kiện
để yêu cầu ông T và bà D thanh toán tiền nợ vay. Nay ông đề nghị Tòa án buộc
bị đơn ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D phải có trách nhiệm trả cho ông,
cụ thể:

- Nợ gốc: 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng).

- Nợ lãi tạm tính từ ngày 24/4/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (tạm
tính đến ngày 01/10/2018): 17 tháng x 1%/tháng x 7.000.000.000 đồng =
1.190.000.000 đồng.

Tổng cộng: 8.190.000.000 đồng (Tám tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng).
Yêu cầu ông T và bà D thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực.

Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải, Biên bản không tiến hành hoà giải
được, bị đơn ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D cùng trình bày:

Ông bà xác nhận có ký vào Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay)
ngày 24/4/2017. Lý do ông bà ký Giấy vay tiền là do ông bà có nợ ông Đoàn
Văn Đ số tiền 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng). Tuy nhiên, sau đó ông bà đã
bán căn nhà tại địa chỉ 363/12/1 đường Bình Lợi, Phường 13, quận Bình
Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đ nhưng không lấy tiền mua bán từ
ông Đ. Sau đó ông Đ bán lại căn nhà trên cho ông Lê Đức C và bà Võ Thị

Thùy L với giá 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) nhằm mục đích lấy lại số tiền bán nhà nêu trên căn trừ số nợ 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng) ghi nhận tại Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay) ngày 24/4/2017. Tuy nhiên, do tin tưởng nên ông bà và ông Đ đã không làm giấy tờ ghi nhận quá trình sự việc mua bán nhà.

Ông bà xác định đã trả cho ông Đ số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) thông qua việc bán nhà nêu trên. Nay ông bà xác nhận chỉ còn nợ ông Đoàn Văn Đ số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Đối với số tiền nợ lãi: Ông bà đồng ý trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng trên số nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tính từ tháng 4/2018 cho đến khi trả xong toàn bộ tiền. Bị đơn chưa nộp được tài liệu chứng minh cho các ý kiến của mình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền nợ bao gồm:

- Nợ gốc: 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng).

- Nợ lãi tạm tính từ ngày xét xử (tạm tính từ ngày 24/4/2017 đến ngày 27/8/2020): 40 tháng 03 ngày x 1%/tháng x 7.000.000.000 đồng = 2.807.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm lẻ bảy triệu đồng).

Tổng cộng: 9.807.000.000 đồng (chín tỷ tám trăm lẻ bảy triệu đồng). Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Trung T vắng mặt.

Bị đơn bà Lê Phụng D giữ nguyên lời trình bày trên và xác định từ ngày 24/4/2017 đến tháng 4/2018, bà và ông T đã thanh toán lãi vay cho ông Đ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà D giao nộp bản photo Biên bản làm việc ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lê Phụng D là ông Trần Thanh T trình bày: Quá trình thực hiện việc trả tiền, bị đơn đã trả lãi trên số tiền nợ gốc 7.000.000.000 đồng được khoảng 3 tháng cho nguyên đơn. Sau đó, nguyên đơn đề nghị bị đơn bán căn nhà tại địa chỉ 363/12/1 đường Bình Lợi, Phường Y, quận BT để trả nợ. Ngày 26/9/2017, nguyên đơn bán căn nhà trên cho bà L, ông C và đã nhận số tiền 5.000.000.000 đồng để căn trừ số nợ ghi nhận tại Giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền vay). Tại buổi làm việc tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, nguyên đơn cũng xác nhận đã nhận 5.000.000.000 đồng và bị đơn chỉ còn nợ số tiền 2.000.000.000 đồng. Nếu không phải căn trừ nợ cho nguyên đơn thì bị đơn đã không bán nhà cho nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên xác định bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn 2.000.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi từ tháng 4/2018 cho đến khi bản án có hiệu lực.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 717/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ.

Buộc bị đơn ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D phải có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Văn Đ tổng số tiền: 9.807.000.000 (chín tỷ tám trăm lẻ bảy triệu đồng), gồm:

- Nợ gốc: 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng).

- Nợ lãi (từ ngày 24/4/2017 đến ngày 27/8/2020): $1\%/tháng \times 40 \text{ tháng} \times 7.000.000.000 \text{ đồng} = 2.807.000.000 \text{ đồng}$ (hai tỷ tám trăm lẻ bảy triệu đồng).

Việc thanh toán thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ, người chịu án phí sơ thẩm, quyền thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/9/2020, bị đơn là ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm như sau: Có nhiều chứng cứ liên quan đến việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền vay là 5.000.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không xem xét đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa ngày 18/3/2021, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 9.807.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 7.000.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 2.807.000.000 đồng. Bị đơn ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm chấp nhận cản trừ số tiền mua bán nhà 5.000.000.000 đồng sang số tiền nợ 7.000.000.000 đồng, hiện bị đơn còn nợ 2.000.000.000 đồng cộng tiền lãi, bị đơn chỉ đồng ý trả 2.000.000.000 đồng cộng tiền lãi suất theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án.

1. Về việc chấp hành pháp luật:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trần Trung T và bà Lê Phượng D còn trong hạn luật định nên có cơ sở chấp nhận về hình thức theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung kháng cáo: Bị đơn ông Trần Trung T và bà Lê Phượng D có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm. Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm chấp nhận căn trừ số nợ từ nguồn bán căn nhà địa chỉ 363/12/1 đường Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là 5.000.000.000 đồng, hiện bị đơn còn nợ 2.000.000.000 đồng cộng lãi chứ không phải số tiền 7.000.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm nhận định: "... do đó đủ cơ sở xác định việc mua bán nhà và thanh toán tiền mua nhà vẫn chưa được xác định rõ, quan hệ tranh chấp không liên quan đến vụ án và các bên có thể giải quyết bằng một vụ án khác.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ chứng minh: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".

Như vậy cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ để đánh giá chứng cứ đảm bảo tính khách quan và giải quyết toàn bộ vụ án theo Điều 97 và Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà cấp sơ thẩm quyết định giải quyết vụ án là thiếu cơ sở vững chắc.

Từ những nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trong việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không khắc phục được. Nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự và xét xử 2 cấp nên cần hủy án sơ thẩm trả hồ sơ cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 717/2020/DSST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận B và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa ngày 09/4/2021, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau: Ông Trần Trung T và bà Lê Phượng D có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 3.900.000.000 (ba tỷ chín trăm triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính là 1.900.000.000 đồng, Thời hạn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát trình bày ý kiến:

Tại phiên tòa các đương sự cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ mới và các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D còn trong hạn luật định, căn cứ Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào Giấy vay tiền (kèm giấy biên nhận tiền vay) ngày 24/4/2017 và lời trình bày của các đương sự thì có đủ cơ sở để xác định bị đơn là ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D có vay của nguyên đơn là ông Đoàn Văn Đ số tiền 7.000.000.000 đồng, với mức lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay từ ngày 24/4/2017 đến ngày 24/12/2022.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 3.900.000.000 (ba tỷ chín trăm triệu) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính là 1.900.000.000 đồng, thời hạn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D là người cao tuổi (hiện trên 60 tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi) nên được miễn án phí theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Đoàn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Đoàn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.095.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0020176 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 717/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 3.900.000.000 (ba tỷ chín trăm triệu) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ) đồng và tiền nợ lãi là 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu) đồng, thời hạn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Đoàn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D không thi hành án thì hàng tháng ông T và bà D còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại cho ông Đoàn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.095.000 đồng (Năm mươi tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0020176 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Trần Trung T và bà Lê Phụng D không phải chịu. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T và bà D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên

lai thu số AA/2019/0007835 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận B, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Trung